ACA MT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUỲNH LƯU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG

Phòng 1301, Tháp B Toà nhà Dầu khí, số 7, đường Quang Trung, Phường Thành Vinh, Nghệ An

Điện thoại:(0238)3 848 810 - Web: kiemtoanmientrung.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUỲNH LƯU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Nghệ An, tháng 2 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Hoàng	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Chương	Thành viên
Ông Mai Văn Hồng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Chương	Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Hoàng	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban
Bà Cao Thị Nga	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

M.S.D.N: 2900511554 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUỲNH LƯU TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Văn Chương

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG
ACA MT CONSULTING AND AUDITING COMPANY LIMITED
Phòng 1301, Tháp B Toà nhà Dầu khí, số 7, Đường Quang Trung, P. Thành Vinh, Nghệ An
Room 1301, Tower B Petro Building, No. 7, Quang Trung Street, Thanh Vinh ward, Nghe An
Tel:(0238)3 848 810 - Web: kiemtoanmientrung.com - Email: linhtxaca@gmail.com

Số: 01.240226/BCKT- ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu được lập ngày 24 tháng 2 năm 2026, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 01.270225/BCKT- ACA MT ngày 27/02/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến ngoại trừ về việc không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm kết thúc niên độ và về việc Công ty đang trích thiếu chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính 2024 và các năm tài chính trước. Công ty chưa khắc phục được các vấn đề nêu trên, do đó chúng tôi tiếp tục nêu ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể:

- Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định là hệ thống đường ống cấp nước tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của khoản mục nêu trên tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này hay không.

- Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính 2025 và các năm tài chính trước. Dẫn đến, trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (Mã số 221) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) ghi nhận thừa số tiền lần lượt là 2.554.167.508 VND và 3.153.002.715 VND; Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) năm 2024 và 2025 đều ghi nhận thiếu số tiền là 598.835.207 VND.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, Hợp đồng thuê đất số 15/HĐ-TĐ ngày 03/2/2004 có thời hạn 20 năm ký giữa Công ty với UBND tỉnh Nghệ An, tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ ban hành. Thời hạn thuê đất là 20 năm tính từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 30/11/2023. Đến ngày 30/11/2023, Hợp đồng đã hết hạn và Công ty đã làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất. Đến thời điểm kiểm toán, Hồ sơ chưa có ý kiến chính thức của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời cơ quan thuế đã thông báo tiền thuê đất phát sinh từ năm 2024 đến năm 2025 theo Thông báo số 608/TB-ĐT ngày 17/04/2025 số tiền 279.826.969 VND. Dẫn đến, chúng tôi không thể xác định liệu khoản tiền thuê đất phát sinh trong giai đoạn này có được miễn, giảm hay không và ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 2900843140 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG
TP. VINH - T. NGHỆ AN

Trần Xuân Linh
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3406-2023-257-1

Đậu Thị Thủy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 6667-2024-257-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.731.296.212**	**2.183.353.683**
110	**I . Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**2.308.517.365**	**1.854.732.826**
111	1 . Tiền		2.308.517.365	1.854.732.826
130	**II . Các khoản phải thu ngắn hạn**		**369.383.286**	**297.234.630**
131	1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	242.909.108	142.830.038
132	2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	120.786.327
136	3 . Phải thu ngắn hạn khác	5	226.700.178	133.844.267
137	4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(100.226.000)	(100.226.000)
140	**III . Hàng tồn kho**	**7**	**32.562.227**	**31.386.227**
141	1 . Hàng tồn kho		32.562.227	32.346.227
149	2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(960.000)
150	**IV . Tài sản ngắn hạn khác**		**20.833.334**	**-**
151	1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	10	20.833.334	-
200	**B . TÀI SẢN DÀI HẠN**		**36.105.586.214**	**36.214.797.740**
220	**I . Tài sản cố định**		**13.529.711.339**	**13.624.061.840**
221	1 . Tài sản cố định hữu hình	9	13.529.711.339	13.624.061.840
222	*- Nguyên giá*		*20.630.329.839*	*20.630.329.839*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(7.100.618.500)*	*(7.006.267.999)*
240	**II . Tài sản dở dang dài hạn**	**8**	**22.333.208.000**	**22.333.208.000**
242	1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		22.333.208.000	22.333.208.000
260	**III . Tài sản dài hạn khác**		**242.666.875**	**257.527.900**
261	1 . Chi phí trả trước dài hạn	10	242.666.875	257.527.900
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**38.836.882.426**	**38.398.151.423**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
300	**A . NỢ PHẢI TRẢ**		**674.893.806**	**249.829.830**
310	**I . Nợ ngắn hạn**		**674.893.806**	**249.829.830**
311	1 . Phải trả người bán ngắn hạn	11	271.507.577	186.786.900
313	2 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	73.021.252	60.780.342
314	3 . Phải trả người lao động		174.895.825	
315	4 . Chi phí phải trả ngắn hạn	13	132.984.800	
319	5 . Phải trả ngắn hạn khác		20.221.764	
322	6 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.262.588	2.262.588
400	**B . VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**38.161.988.620**	**38.148.321.593**
410	**I . Vốn chủ sở hữu**			
411	1 . Vốn góp của chủ sở hữu	14	**38.161.988.620**	**38.148.321.593**
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		40.426.030.000	40.426.030.000
418	2 . Quỹ đầu tư phát triển		*40.426.030.000*	*40.426.030.000*
421	3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.393.883	6.393.883
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		(2.270.435.263)	(2.284.102.290)
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*(2.284.102.290)*	*(2.287.934.384)*
			13.667.027	*3.832.094*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**38.836.882.426**	**38.398.151.423**

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Hằng	Mai Văn Hồng	Hoàng Văn Chương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	15	**5.102.970.975**	**4.716.912.147**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**5.102.970.975**	**4.716.912.147**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	16	**3.986.960.898**	**3.562.647.362**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.116.010.077**	**1.154.264.785**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	1.210.347	917.062
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	1.111.707.750	1.183.752.269
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.512.674**	**(28.570.422)**
31	11. Thu nhập khác	19	36.277.727	34.218.069
32	12. Chi phí khác		154.017	857.530
40	**13. Lợi nhuận khác**		**36.123.710**	**33.360.539**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**41.636.384**	**4.790.117**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	27.969.357	958.023
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**13.667.027**	**3.832.094**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	21	**3,38**	**0,95**
71	**19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	21	**3,38**	**0,95**

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Hằng	Mai Văn Hồng	Hoàng Văn Chương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Theo phương pháp trực tiếp

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1 . Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	5.421.281.552	5.111.494.562
02	2 . Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.797.278.350)	(2.915.629.813)
03	3 . Tiền chi trả cho người lao động	(1.412.165.102)	(1.395.475.269)
05	4 . Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(958.023)	(86.963)
06	5 . Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	346.611.648	312.071.758
07	6 . Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.104.917.533)	(1.105.066.345)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***	***452.574.192***	***7.307.930***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
27	1 . Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.210.347	917.062
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***	***1.210.347***	***917.062***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**453.784.539**	**8.224.992**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**1.854.732.826**	**1.846.507.834**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**2.308.517.365**	**1.854.732.826**

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Hằng	Mai Văn Hồng	Hoàng Văn Chương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu, (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy nước Cầu Giát - Quỳnh Lưu được thành lập theo Quyết định số 2199/QĐUB.TCCQ ngày 09/7/1999 của UBND tỉnh Nghệ An và được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Quỳnh Lưu theo Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Quỳnh Lưu thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 12/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An. Ngày 15/03/2016, Công ty TNHH MTV Cấp nước Quỳnh Lưu chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016 và thay đổi lần thứ 7 ngày 24/07/2025 do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 của Công ty là 40.426.030.000 VND chia thành 4.042.603 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2025 là 40.426.030.000 VND.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Thi công các công trình điện, chiếu sáng);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Quản lý, duy trì vườn hoa, công viên, bulva, đảo giao thông, lâm viên, nghĩa trang);
- Thiết kế, xây dựng các công trình bồn hoa, cây cảnh, thảm cỏ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng hạ tầng khu đô thị); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: Thôn Hồng Nguyên, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 26 người (tại ngày 31/12/2024 là 30 người).

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.6 . Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	15 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	30 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

2.9 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.11 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.12 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

2.13 . Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.14 . Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.392.004.014	1.081.866.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	916.513.351	772.866.163
Tổng	**2.308.517.365**	**1.854.732.826**

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**242.909.108**	**142.830.036**
- UBND xã Quỳnh Phú	70.836.000	70.836.000
- UBND xã Quỳnh Lưu	142.889.899	29.390.000
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	29.183.209	42.604.036

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**226.700.178**	**-**	**133.844.267**	**-**
- Phải thu người lao động tiền BHXH, KPCĐ	105.913.851	-	133.844.267	-
- Tổng công ty xây dựng Trường Sơn	100.786.327	-	-	-
- Phải thu khác	20.000.000	-	-	-

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**(100.226.000)**	**(100.226.000)**
Dự phòng phải thu khách hàng	(100.226.000)	(100.226.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	32.562.227	-	32.346.227	(960.000)
Tổng	**32.562.227**	**-**	**32.346.227**	**(960.000)**

8 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	22.333.208.000	22.333.208.000
Công trình mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu (*)	*22.333.208.000*	*22.333.208.000*
Tổng	**22.333.208.000**	**22.333.208.000**

(*) Nâng cấp công suất nhà máy từ 3.000 m3 lên 10.000 m3/ngày đêm theo Quyết định số 2086/QĐ.UBND ngày 29/6/2005, Quyết định số 4766/QĐ.UBND-CN ngày 12/12/2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu và Quyết định số 2285/QĐ.UBND-XD ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư và Kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu. Công ty nhận bàn giao dự án từ Ban quản lý tương ứng với số tiền Ngân sách tỉnh cấp và đã thanh toán cho nhà cung cấp từ năm 2007 đến năm 2017 số tiền là 22.333.208.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2025 dự án vẫn đang tạm dừng do chưa được bố trí vốn để tiếp tục thực hiện.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	**3.868.858.376**	**83.784.064**	**16.677.687.399**	**20.630.329.839**
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**3.868.858.376**	**83.784.064**	**16.677.687.399**	**20.630.329.839**
Trong đó:				
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	*165.285.193*	*83.784.064*	-	*249.069.257*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	**2.664.066.417**	**83.784.064**	**4.258.417.518**	**7.006.267.999**
Số tăng trong năm	90.885.237	-	3.465.264	94.350.501
- Khấu hao TSCĐ trong năm	*90.885.237*	-	*3.465.264*	*94.350.501*
Số dư cuối năm	**2.754.951.654**	**83.784.064**	**4.261.882.782**	**7.100.618.500**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.204.791.959	-	12.419.269.881	13.624.061.840
Tại ngày cuối năm	**1.113.906.722**	-	**12.415.804.617**	**13.529.711.339**

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**20.833.334**	**-**
- Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	20.833.334	-
b) Dài hạn	**242.666.875**	**257.527.900**
- Chi phí lập báo cáo xả nước thải	17.429.539	36.156.812
- Chi phí sửa chữa	10.509.345	29.681.340
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	214.727.991	191.689.748

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**271.507.577**	**271.507.577**	**186.786.900**	**186.786.900**
- Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An-CN Xí nghiệp Thủy lợi Quỳnh Lưu	158.558.400	158.558.400	138.654.900	138.654.900
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	88.128.000	88.128.000	-	-
- Phải trả người bán khác	24.821.177	24.821.177	48.132.000	48.132.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	286.695	47.567.131	46.333.976	1.519.850
Thuế TNDN	958.023	27.969.357	958.023	27.969.357
Thuế tài nguyên	1.260.640	13.947.100	13.692.500	1.515.240
Thuế nhà đất	-	10.496.351	10.496.351	-
Thuế khác	22.394.112	3.000.000	25.394.112	-
Phí, lệ phí	35.880.872	387.246.185	381.110.252	42.016.805
Trong đó				
- Trình bày là phải trả	60.780.342			73.021.252

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**132.984.800**	**-**
Trích trước chi phí tiền điện	132.984.800	-

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Dư đầu năm trước	**40.426.030.000**	**6.393.883**	**(2.287.934.384)**	**38.144.489.499**
Lãi trong năm trước	-	-	3.832.094	3.832.094
Dư cuối năm trước	**40.426.030.000**	**6.393.883**	**(2.284.102.290)**	**38.148.321.593**
Lãi trong năm nay	-	-	13.667.027	13.667.027
Dư cuối năm nay	**40.426.030.000**	**6.393.883**	**(2.270.435.263)**	**38.161.988.620**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	39.481.030.000	97,66	39.481.030.000	97,66
Vốn góp của các đối tượng khác	945.000.000	2,34	945.000.000	2,34
- *Do thể nhân nắm giữ*	*945.000.000*	*2,34*	*945.000.000*	*2,34*
Tổng	**40.426.030.000**	**100,00**	**40.426.030.000**	**100,00**

15 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán vật tư ngành nước	88.650.000	50.195.455
Doanh thu dịch vụ cung cấp nước sạch	5.014.320.975	4.666.716.692
Tổng	**5.102.970.975**	**4.716.912.147**

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán vật tư ngành nước	77.224.000	43.904.000
Giá vốn dịch vụ cung cấp nước sạch	3.909.736.898	3.518.743.362
Tổng	**3.986.960.898**	**3.562.647.362**

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	1.210.347	917.062
Tổng	**1.210.347**	**917.062**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	803.611.333	776.299.349
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.854.938	66.198.804
Thuế, phí và lệ phí	13.496.351	13.496.351
Chi phí bằng tiền khác	170.745.128	327.757.765
Tổng	**1.111.707.750**	**1.183.752.269**

19 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ 10% Phí vệ sinh môi trường để lại	35.098.372	32.743.430
Các khoản khác	1.179.355	1.474.639
Tổng	**36.277.727**	**34.218.069**

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 17% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	41.636.384	4.790.117
Điều chỉnh tăng	122.889.244	-
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	*122.889.244*	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	164.525.628	4.790.117
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**27.969.357**	**958.023**

21 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.667.027	3.832.094
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.667.027	3.832.094
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.042.603	4.042.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3,38**	**0,95**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty Cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024 cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	691.443.813	587.925.709

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung.

Nghệ An, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Hằng	Mai Văn Hồng	Hoàng Văn Chương